

Bản án số: 03/2023/DS- ST

Ngày: 15/03/2023

“ *V/v: Tranh chấp hợp đồng
tín dụng* ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY-TỈNH QUẢNG BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thuận Sơn

Ông Nguyễn Quang Nhã

-Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương, Thư ký viên chính Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 32/2022/TLST-DS ngày 20/7/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST-DS ngày 28/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng T: Số 89 L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội, đại diện theo pháp luật ông Ngô Chí D, Chủ tịch HĐQT; đại diện theo ủy quyền ông Phạm Tuấn A, Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý, theo văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020. Ông Phạm Tuấn A ủy quyền lại cho ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Mạnh S, ông Trần Tiến L, ông Hoàng Văn N, cùng địa chỉ: Số 108 đường T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, thực hiện thủ tục khởi kiện ông Đỗ Anh T và bà Lê Thị H về tranh chấp hợp đồng tín dụng, ông Nguyễn Văn T ký đơn khởi kiện, theo văn bản ủy quyền số 492/2022/UQ-LCC-KHDNPUNMB ngày 07/4/2022, ông Hoàng Văn N có mặt.

Bị đơn: Vợ chồng ông Đỗ Anh T, sinh năm 1989 và bà Lê Thị H, sinh năm 1991, cùng nơi cư trú: Thôn P, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Bình, đều có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1958, nơi cư trú: Thôn P, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/4/2022, bản tự khai ngày 09/8/2022, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Văn T cũng như người tham gia tố tụng ông Hoàng Văn N đều trình bày: Vợ chồng ông Đỗ Anh T, bà Lê Thị H có ký hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng T - Chi nhánh Quảng Bình- Phòng giao dịch B theo các hợp đồng tín dụng với các nội dung cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho vay hạn mức số: LN2006082464917 ngày 10/6/2020 kèm theo khế ước nhận nợ lần 1 số LN2006082464917 với tổng số tiền Ngân hàng T cấp

tín dụng cho vợ chồng ông Đỗ Anh T và bà Lê Thị H 270.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi triệu đồng), thời hạn vay 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng (10/6/2020), lãi suất 8,5%/năm cố định trong 03 tháng đầu tiên, kể từ ngày bên vay bắt đầu nhận nợ, sau đó điều chỉnh lãi suất trong hạn, định kỳ 01 tháng/01 lần, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 12/9/2020. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức: Lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng được bên Ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh (+) biên độ 3%/năm. Trả nợ lãi theo định kỳ 01 tháng/01 lần vào ngày 10; trả nợ gốc vào ngày kết thúc thời hạn cho vay; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả hai bên thỏa thuận 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh sản xuất và phân phối ghê đá.

Tài sản bảo đảm khoản vay: Quyền sử dụng đất có diện tích 224,9m² thuộc thửa đất số 05 tờ bản đồ số 40 tọa lạc tại địa chỉ: Thôn P, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Bình, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CD 111543 do UBND huyện L, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 13/7/2016, mang tên ông Đỗ Duy T và bà Nguyễn Thị V, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L chỉnh lý biến động để thừa kế cho bà Nguyễn Thị V, bao gồm toàn bộ hiện trạng diện tích thực tế đang sử dụng và hình thành trong tương lai (nếu có) thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị V. Tổng giá trị tài sản thế chấp hai bên thỏa thuận xác định 450.000.000 đồng, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 11/6/2020 được lập tại Văn phòng Công chứng H, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện L.

- Hợp đồng thứ hai: Theo giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, phát hành và sử dụng thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số: LN 1960111452759. Ông Đỗ Anh T vay số tiền: 102.900.000 đồng; thời hạn vay 48 tháng; lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân: 42%/năm, cố định trong suốt thời hạn vay; lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi trong hạn; phạt chậm trả lãi 10%/năm.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đỗ Anh T, bà Lê Thị H mới chỉ thực hiện nghĩa vụ được một phần tiền lãi của hợp đồng hạn mức là 19.672.180 đồng; hợp đồng tiêu dùng trả tiền gốc: 17.802.418 đồng, tiền lãi 65.924.412 đồng. Sau đó không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết trong các hợp đồng, mặc dù Ngân hàng T đã nhiều lần thông báo, đôn đốc. Đến ngày 18/3/2021 vi phạm nghĩa vụ trả nợ tại hợp đồng vay tiêu dùng và ngày 10/4/2021 vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với hợp đồng hạn mức nên Ngân hàng T đã chuyển nợ quá hạn và phải chịu mức lãi nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Do đó, để đảm bảo thu hồi nợ, Ngân hàng T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đỗ Anh T và bà Lê Thị H phải trả cho Ngân hàng T số tiền vay gốc còn lại và lãi tính đến ngày xét xử (15/3/2023) mà ông Đỗ Anh T và bà Lê Thị H còn nợ Ngân hàng T số tiền của hai hợp đồng là: Nợ gốc của Hợp đồng tín dụng hạn mức ngày 10/6/2020 là 270.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 2.336.888 đồng; nợ lãi quá hạn 80.572.808 đồng; phạt chậm trả lãi 8.565.890 đồng. Cộng: 361.475.586 đồng; tại Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay

ngày 11/6/2019 nợ gốc là: 85.097.582 đồng; nợ lãi trong hạn 3.217.145 đồng; lãi quá hạn 106.929.192 đồng; phạt chậm trả lãi 21.968.913. Cộng 217.212.832 đồng. Tổng cộng cả hai hợp đồng nợ gốc và lãi là: 578.688.418 đồng và tiếp tục chịu lãi trên số tiền gốc chưa thanh toán kể từ khi xét xử đến khi thi hành xong, theo mức lãi thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, đồng thời yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm mà bà Nguyễn Thị V đã thế chấp bảo lãnh để bảo đảm thu hồi khoản nợ trên.

Bị đơn ông Đỗ Anh T và bà Lê Thị H vắng mặt trong các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng tại phiên tòa, anh, chị thống nhất trình bày: Anh T, chị H thừa nhận thực tế vợ chồng có ký hợp đồng hạn mức và anh T ký vay riêng một hợp đồng tiêu dùng với nội dung vay như phía Ngân hàng T trình bày, nhưng do điều kiện làm ăn gặp khó khăn và dịch bệnh nên vợ chồng anh chị chưa trả cho Ngân hàng T đúng như đã thỏa thuận cam kết. Nay, cả hai vợ chồng đang đi làm ăn xa để kiếm tiền trả nợ cho Ngân hàng T nên xin Ngân hàng T tạo điều kiện cho anh chị trả nợ gốc và lãi dần theo từng năm, mỗi năm khoảng 40.000.000 đồng. Về Hợp đồng thế chấp bảo lãnh tài sản bảo đảm nhà đất của mẹ anh T là bà Nguyễn Thị V, chỉ thế chấp bảo đảm cho khoản vay hợp đồng hạn mức, khoản anh T vay tiêu dùng không có thể chấp, Ngân hàng T yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm cho tất cả các khoản vay anh, chị không chấp nhận.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị V trình bày qua bản tự khai ngày 21/10/2022 cũng như tại phiên tòa, bà V thừa nhận vào năm 2020, bà có dùng tài sản của mình là quyền sử dụng đất diện tích 224,9m² thuộc thửa đất số 05 tờ bản đồ số 40 tại địa chỉ: Thôn P, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Bình để thế chấp bảo lãnh cho con là Đỗ Anh T và Lê Thị H vay vốn tại Ngân hàng T để sản xuất bán ghế đá nhưng do lũ lụt năm 2020 gây thiệt hại dẫn đến không sản xuất được, hiện nay đang nợ tiền của Ngân hàng T là đúng. Nay bà V đề nghị Ngân hàng và Tòa án cho ông T, bà H trả nợ dần cho ngân hàng số nợ còn lại, nếu không trả được, bà chấp nhận xử lý tài sản bảo đảm mà bà đã ký tại hợp đồng thế chấp.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1]. Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T buộc ông Đỗ Anh T và bà Lê Thị H có nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng là tranh chấp hợp đồng dân sự theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Đỗ Anh T, bà Lê Thị H có địa chỉ cư trú tại: Thôn P, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Về yêu cầu của nguyên đơn là buộc bị đơn trả đủ nợ gốc, nợ lãi tính từ ngày vi phạm hợp đồng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, nếu bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thì nguyên đơn có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp, bảo lãnh của bà Nguyễn Thị V để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ đối với bị đơn. Theo lời trình bày của đại diện nguyên đơn, bị đơn và người có

quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa; các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi công khai tại phiên tòa cho thấy:

[2.1]. Vợ chồng ông Đỗ Anh T và bà Lê Thị H đã ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức với Ngân hàng T số LN2006082464917 ngày 10/6/2020 kèm theo khế ước nhận nợ lần 1 số LN2006082464917 với tổng số tiền Ngân hàng T cấp tín dụng cho vợ chồng ông Đỗ Anh T và bà Lê Thị H 270.000.000 đồng, với thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất 8,5%/năm, cố định trong 3 tháng đầu, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động kinh doanh sản xuất bàn ghế đá, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi phạt chậm trả lãi 10%/năm. Đối chiếu hợp đồng tín dụng và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án với lời khai của phía đại diện nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có căn cứ xác định ông Đỗ Anh T và bà Lê Thị H đã vi phạm nghĩa vụ cam kết trả nợ theo hợp đồng tín dụng hạn mức kể từ ngày 10/4/2021 với số tiền: 361.475.586 đồng, trong đó, tiền gốc 270.000.000 đồng; lãi trong hạn 2.336.888 đồng; nợ lãi quá hạn 80.572.808 đồng; phạt chậm trả lãi 8.565.890 đồng. Trong quá trình hòa giải, Tòa án cũng đã tạo điều kiện về mặt thời gian để cho vợ chồng ông T, bà H và Ngân hàng T thỏa thuận phương thức trả nợ nhưng bị đơn không hợp tác và vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên không hòa giải được. Do đó, tại phiên tòa Ngân hàng T giữ nguyên yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán cả gốc và lãi đến ngày xét xử và tiếp tục chịu lãi phát sinh sau ngày tuyên án cho đến khi thi hành xong khoản tiền gốc là có căn cứ;

[2.2]. Về tài sản bảo đảm khoản vay: Theo hợp đồng thế chấp ngày 11/6/2020, được ký kết bởi người có thẩm quyền của Ngân hàng T với bà Nguyễn Thị V là người thứ ba cam kết bảo lãnh với bên có quyền sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (ông T, bà H) nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ. Đây là thỏa thuận hoàn toàn tự nguyện được thực hiện tại Văn phòng Công chứng H, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình và đã đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện L, đã đảm bảo đúng trình tự quy định, nội dung hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật có hiệu lực. Căn cứ thời gian vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay ông Đỗ Anh T, bà Lê Thị H, Ngân hàng T yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất 224,9m² đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 111543 UBND huyện Ly cấp ngày 13/7/2016, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L chỉnh lý biến động để thừa kế cho bà Nguyễn Thị V tại thửa đất số 05, tờ bản đồ số 40, địa chỉ: Thôn P, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Bình, để bảo đảm nghĩa vụ trả khoản nợ theo hợp đồng tín dụng hạn mức của ông T bà H là có căn cứ.

[2.3]. Đối với khoản nợ theo giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân, vay kinh doanh cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, phát hành và sử dụng thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử số: LN 1960111452759, ngày 11/6/2019. Số tiền vay: 102.900.000 đồng; thời hạn vay 48 tháng; lãi suất trong hạn

tại thời điểm giải ngân: 42%/năm, cố định trong suốt thời hạn vay; lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi trong hạn; phạt chậm trả lãi 10%/năm.

Đối chiếu các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của các bên, Hội đồng xét xử nhận thấy, đây là hợp đồng vay giữa cá nhân ông Đỗ Anh T với Ngân hàng T mục đích vay tiêu dùng và mua bảo hiểm, bà Lê Thị H không tham gia vay và không có ủy quyền vay, cũng không biết ông T thực hiện khoản vay này. Nội dung của hợp đồng không vi phạm, hai bên tự nguyện thỏa thuận ký kết hợp đồng và cam kết trả nợ. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đỗ Anh T mới chỉ thực hiện được một phần tiền gốc: 17.802.418 đồng và lãi 65.924.412 đồng, sau đó không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết trong hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng T kể từ ngày 18/3/2021, đã bị chuyển nợ quá hạn và phải chịu mức lãi nợ quá hạn theo thỏa thuận trong giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay. Nay Ngân hàng T giữ nguyên yêu cầu buộc ông Đỗ Anh T và bà Lê Thị H phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T số tiền gốc 85.097.582 đồng, lãi trong hạn 3.217.145 đồng, lãi quá hạn 106.929.192 đồng, lãi phạt chậm trả lãi 21.968.913 đồng. Tổng cộng: 217.212.832 đồng. Hội đồng xét xử thấy, như phân tích trên, có căn chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng T, chỉ buộc ông Đỗ Anh T phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T số tiền trên là phù hợp.

Về tài sản bảo đảm của bà Nguyễn Thị V nói trên chỉ bảo lãnh cho Hợp đồng tín dụng hạn mức ngày 10/6/2020, không bảo lãnh cho khoản vay theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân ngày 11/6/2019, nên không có căn cứ chấp nhận xử lý tài sản bảo đảm của bà V để thực hiện nghĩa vụ trả khoản nợ của ông Đỗ Anh T.

[3].Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng T được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn ông Đỗ Anh T và bà Lê Thị H chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền phải trả nợ cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

[4].Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 292, 317, 318, 320, 335, 342, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

- Buộc ông Đỗ Anh T và bà Lê Thị H phải trả cho Ngân hàng T số tiền theo Hợp đồng cho vay hạn mức ngày 10/6/2020 tính đến ngày xét xử 15/3/2023 là:

361.475.586 đồng, trong đó nợ gốc: 270.000.000 đồng; lãi trong hạn: 2.336.888 đồng; lãi quá hạn: 80.572.808 đồng; lãi phạt chậm trả lãi: 8.565.890 đồng.

- Buộc ông Đỗ Anh T phải trả cho Ngân hàng T tổng số tiền theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân ngày 11/6/2019 tính đến ngày xét xử 15/3/2023 là: 217.212.832 đồng, trong đó nợ gốc: 85.097.582 đồng, nợ lãi trong hạn: 3.217.145 đồng, nợ lãi quá hạn: 106.929.192 đồng, lãi phạt chậm trả lãi: 21.968.913 đồng.

Tiền nợ gốc và tiền nợ lãi nói trên phải trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án.

- Tài sản bảo đảm: Quyền sử dụng đất 224,9m² đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 111543 UBND huyện L cấp ngày 13/7/2016, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L chỉnh lý biến động để thừa kế cho bà Nguyễn Thị V tại thửa đất số 05, tờ bản đồ số 40, địa chỉ: Thôn P, xã A, huyện L, tỉnh Quảng Bình, là tài sản của bên thứ 3 đứng ra bảo lãnh để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án dân sự của ông Đỗ Anh T và bà Lê Thị H tại khoản vay theo hợp đồng hạn mức số: LN2006082464917 ngày 10/6/2020. Ngân hàng T có trách nhiệm chuyển giao các giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp, bảo lãnh cho Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Quảng Bình xử lý khi có đơn yêu cầu thi hành án, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Kể tiếp sau ngày tuyên án sơ thẩm (15/3/2023) bên phải thi hành án tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh đối với khoản nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Anh T và bà Lê Thị H chịu án phí dân sự sơ thẩm 18.073.779 đồng; ông Đỗ Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 10.860.641 đồng. Trả lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí 11.318.000 đồng mà ông Hoàng Văn N đã nộp theo biên lai số: 0004490 ngày 19/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đại diện nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 15/3/2023, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h. Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS h. Lệ Thủy;
- Lưu HS;
- Lưu Vp.

Trương Thị Nhân

